

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 576/DKQN-ATCL ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC về việc giải trình, bổ sung và chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Bến số 1 – Cảng Dung Quất” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, địa chỉ tại Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bến số 1 – Cảng Dung Quất tại Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Bến số 1 – Cảng Dung Quất.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4300351623 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/4/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 24/6/2015. Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000113 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi) cấp ngày 07/10/2013.

1.4. Mã số thuế: 4300351623.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh khai thác cảng biển.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 41.510 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Cơ sở có cầu tàu dài 600m, tiếp nhận tàu dầm gỗ 70.000 DWT và tàu tổng hợp 50.000DWT giảm tải.

+ Lượng hàng hóa thông qua Cảng ước tính khoảng 2 - 2,5 triệu tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày .... tháng .... năm 2023 đến ngày ... tháng .... năm 2033).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ngãi (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC;
- Lưu: VT, KSONMT, TD.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu nhà điều hành;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tòa nhà cho BSR thuê.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:****2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Biển ven bờ vịnh Dung Quất thuộc khu vực xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Bến số 1- Cảng Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $108^0$ , múi chiếu  $3^0$ ): X(m): 1704948, Y(m): 585385.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau khi xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế  $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi tự chảy liên tục vào nguồn tiếp nhận (biển ven bờ vịnh Dung Quất) theo đường ống PVC D27.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Cột B (K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		

3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
4	TSS	mg/l	120		
5	Sunfua	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà điều hành (nguồn số 01) sau khi qua bể phốt 2 ngăn (kích thước: ngăn 1: 2,5 m x 2,2 m x 1,8 m; ngăn 2: 1 m x 2,2 m x 1,8 m) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực tòa nhà cho BSR thuê (nguồn số 02) sau khi qua bể phốt 2 ngăn (kích thước: ngăn 1: 2,5 m x 2,2 m x 1,8 m; ngăn 2: 1 m x 2,2 m x 1,8 m) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể màng MBR → Bể sinh học → Biền ven bờ vịnh Dung Quất.

- Công suất thiết kế: 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

##### a) Biện pháp phòng ngừa

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tuân thủ đúng các yêu cầu về vận hành hệ thống. Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị, máy móc tại hệ thống và định kỳ 01 tháng/lần, Công ty thực hiện duy tu, bảo dưỡng một số máy móc thiết bị như máy bơm, máy thổi khí (như tra dầu mỡ cho máy thổi khí...).

- Bố trí thiết bị dự phòng để khi có sự cố về thiết bị máy móc bị hư hỏng kịp thời thay thế mới, không làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên ghi nhật ký vận hành để theo dõi hiện trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời phát hiện những vấn đề của hệ thống để điều chỉnh, khắc phục, tránh ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của hệ thống.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Nhân viên vận hành phát hiện sự cố (máy bơm/máy thổi khí không hoạt động...) tại hệ thống xử lý nước thải.

- Nhân viên vận hành đóng van nước thải sau xử lý tại các bể xử lý, cúp cầu giao tổng tủ điện và thông báo sự việc cho cán bộ quản lý hệ thống xử lý nước thải.

- Nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục lỗi của hệ thống xử lý.

- Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, vận hành lại hệ thống và tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng 800kVA.
- Nguồn số 02: Khu vực bốc dỡ hàng hóa tại bến tàu.
- Nguồn số 03: Khu vực trạm cân.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 05: Khu vực nhà trạm bơm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1705063,5; Y = 585464,4.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1705042,6; Y = 585299,2.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1705167,9; Y = 585320,5.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1705167,9; Y = 585320,5.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1705048,3; Y = 585447,9.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^0$ , múi chiều  $3^0$ )

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- 1.1. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- 1.2. Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	200
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	15
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	15
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	30
6	Giẻ lau bị nhiễm dầu mỡ	18 02 01	2.200
7	Pin, ắc quy thải	19 06 05	20
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>2.500</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (hàng hóa rơi vãi, bao bì mềm không nhiễm thành phần nguy hại...)	2.000
2	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	240
3	Bùn nạo vét mương thoát nước mưa	300
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>2.540</b>



## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt từ công nhân viên của cơ sở, từ công nhân của các tàu cập cảng	19,2
	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>	<b>19,2</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

## 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng, phuy, can có nắp đậy.

## 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 6 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: nền bê tông chống thấm, có gờ cao chống tràn đổ chất lỏng ra môi trường, mái tôn, vách xây gạch, cửa thép, có dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ dụng cụ ứng phó sự cố rò rỉ, thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

## 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 660 lít.

## 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 13,3 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: kho có nền bê tông, mái tôn, vách tôn, có dán nhãn tên kho và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

**2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Không còn công trình, hạng mục công trình tiếp tục thực hiện.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát bao gồm khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải bên ngoài nhà đặt máy phát điện. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Thực hiện trách nhiệm, yêu cầu đối với hoạt động nạo vét, duy tu theo quy định của pháp luật. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố tràn dầu và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.